

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Út

Bà Nguyễn Thị Hồng Lam

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Tường V - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 224/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Kim S, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Khu phố H, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: Khu phố H, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Trương Kim S trình bày:

Ông **Trương Kim S** và bà **Nguyễn Thị Minh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 06/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống ở **khu phố H, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà **T** đã nhiều lần gây nợ nần nên hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích. Từ tháng 4 năm 2023 đến nay hai vợ chồng không còn chung sống. Vợ chồng ông mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay, ông xác định đã hết tình cảm với bà **T** nên mong muốn được ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng ông có 02 con chung tên **Trương Kim Ngọc S1**, sinh ngày 08/7/2008 và **Trương Kim T1** sinh ngày 19/11/2011. Các cháu hiện đang sống cùng ông tại **khu phố H, phường V**. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông **S** yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

*Tài sản chung và nợ chung:* Ông **Trương Kim S** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn Bà Nguyễn Thị Minh T:* Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà **T** nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do và không có bản trình bày ý kiến.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:* Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông **Trương Kim S** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn bà **Nguyễn Thị Minh T**. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở **khu phố H, phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - **T** theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 20/8/2024, nguyên đơn ông **Trương Kim S** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - **T** đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà **Nguyễn Thị Minh T** nhưng bà **T** đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ, bà **T** đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông **Trương Kim S** và bà **Nguyễn Thị Minh T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn, được **Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 06/3/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp, tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông **S** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2.2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, khoảng năm 2020 đến nay vợ chồng ông **S**, bà **T** phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì ông **S** cho rằng hai người bất đồng quan điểm sống, bà **T** nợ nần nhiều, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xích mích. Bà **T**, ông **S** không chung sống từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Từ lúc không còn sống chung, vợ chồng bà **T**, ông **S** mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn. Tình trạng hôn nhân của bà **T**, ông **S** cũng được Ban quản lý khu phố nơi hai người chung sống xác nhận. Bà **T** biết việc ông **S** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng không tham gia tố tụng thể hiện bà **T** không có thiện chí và không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa ông **S**, bà **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[2.3] Về con chung: Xét về yêu cầu nuôi con chung của ông S, Hội đồng xét xử xét thấy: Kể từ khi ông S, bà T không chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2023 đến nay thì cháu Trương Kim Ngọc S1 và cháu Trương Kim T1 đều ở cùng ông Trương Kim S. Các cháu được học hành và phát triển bình thường. Mặt khác, nguyện vọng của cháu S1, cháu T1 muốn tiếp tục ở với ông Trương Kim S. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cháu Trương Kim Ngọc S1, sinh ngày 08/7/2008 và cháu Trương Kim T1, sinh ngày 19/11/2011 cho ông Trương Kim S tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Minh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Trương Kim S không yêu cầu.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố P-T tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ** vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Trương Kim S được ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh T

2. Về con chung: Ông Trương Kim S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Trương Kim Ngọc S1, sinh ngày 08/7/2008 và Trương Kim T1, sinh ngày 19/11/2011. Bà Nguyễn Thị Minh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do ông Trương Kim S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông **Trương Kim S** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông **Trương Kim S** đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002558 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - **T, tỉnh Ninh Thuận**. Ông **Trương Kim S** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường Văn Hải (năm 2008);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**



